

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN,
TỈNH ANGIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 220/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 01 – 7 – 2020

“V/v ly hôn giữa
chị Ng và Anh T”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Lũy
2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:

Ông Ngô Minh Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị Ng (tự Thu Vân), sinh năm 1982 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* anh Võ Hữu T (tự Nam), sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 31-01-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ng trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Năm 2002 thông qua mai mối, chị và anh Võ Hữu T tự nguyện kết hôn, năm 2008 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh

An Giang, Giấy chứng nhận kết hôn số 128 ngày 15-9-2008. Năm 2006 thường xảy ra mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng, năm 2012 cự cãi nhau và ly thân, thời gian ly thân Anh T có vợ khác. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với Anh T. Ngày 08-5-2020 chị Ng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Tại văn bản ngày 20-5-2020 anh Võ Hữu T (là bị đơn) trình bày anh và chị Ng có đăng kết hôn, khoảng năm 2011 mâu thuẫn và ly thân. Chị Ng yêu cầu ly hôn, anh đồng ý ly hôn với chị Ng. Anh T đề nghị xét xử vắng mặt.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Hữu T1, sinh ngày 20-3-2003, Anh T đang nuôi dưỡng; Võ Thị Mỹ Q, sinh ngày 30-5-2008, chị Ng đang nuôi dưỡng. Chị Ng yêu cầu tiếp tục nuôi cháu Q, đồng ý giao cháu T1 cho Anh T nuôi, hai bên không cấp dưỡng cho con. Anh T cũng yêu cầu tiếp tục nuôi cháu T1, đồng ý giao cháu Q cho chị Ng nuôi, hai bên không cấp dưỡng cho con.

- Về chia tài sản và nợ chung: hai bên đương sự khai không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Ng và anh Võ Hữu T có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Từ năm 2012 đến nay anh chị ly thân, chị Ng xin ly hôn và Anh T đồng ý ly hôn, nên việc chị Ng yêu cầu ly hôn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ng; về nuôi con chung, hai bên thống nhất mỗi bên nuôi một con, cụ thể chị Ng nuôi cháu Võ Thị Mỹ Q, Anh T nuôi cháu Võ Hữu T1, không tranh chấp về nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; chia tài sản và nợ chung không có, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị Ng (tự Thu Vân) khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Võ Hữu T, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Ng và Anh T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Ng và Anh T.

[2] Về nội dung:

[3] Hôn nhân của chị Ng và Anh T là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng vợ chồng mâu thuẫn, từ năm 2012 đến nay ly thân, nay chị Ng yêu cầu ly hôn, Anh T đồng ý ly hôn. Cho thấy hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn

nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Ng và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho ly hôn giữa chị Ng và Anh T.

[4] Về nuôi con chung: Hai bên không tranh chấp và thống nhất Anh T nuôi cháu Võ Hữu T1, chị Ng nuôi cháu Võ Thị Mỹ Q, hai bên không yêu cầu cấp dưỡng cho con, yêu cầu này của anh chị phù hợp với nguyện vọng của cháu T1 muốn sống với Anh T, cháu Q muốn sống với chị Ng. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu T1 cho Anh T trực tiếp nuôi, giao cháu Q cho chị Ng trực tiếp nuôi, hai bên không yêu cầu cấp dưỡng cho con là tự nguyện của hai bên, nên không xem xét.

[5] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình chị Ng và Anh T được quyền lui tới thăm nom con chung, không ai được cản trở anh chị thực hiện quyền này; vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về chia tài sản: không có.

[7] Về nợ chung: ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[8] Về án phí sơ thẩm, chị Ng phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ng (tự Thu Vân) và anh Võ Hữu T (tự Nam). Giấy chứng nhận kết hôn số 128 ngày 15-9-2008 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Võ Thị Mỹ Q, sinh ngày 30-5-2008 cho chị Nguyễn Thị Ng (tự Thu Vân) trực tiếp nuôi, chị Ng (Thu Vân) đang nuôi dưỡng;

2.2. Giao con chung tên Võ Hữu T1, sinh ngày 20-3-2003 cho anh Võ Hữu T (tự Nam) trực tiếp nuôi, Anh T (Nam) đang nuôi dưỡng.

Hai bên không phải cấp dưỡng cho con.

Chị Nguyễn Thị Ng (tự Thu Vân) và anh Võ Hữu T (tự Nam) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận hai bên xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Ng (tự Thu Vân) phải chịu 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006514 ngày 19-02-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Cơ quan Thi hành án huyện Phú Tân;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim Phương

